

## BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

### 1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công Ty TNHH Rebel Motor.
- 1.2. Địa chỉ: 4382C1 Nguyễn Cửu Phú, Khu phố 4, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác<sup>(+)</sup>:
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SH125i LIMITED EDITION
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): ---
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 24KXM/262259
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6839/NECT-M/24/C, ngày 25/06/2024

### 2. Thông số kỹ thuật của Xe

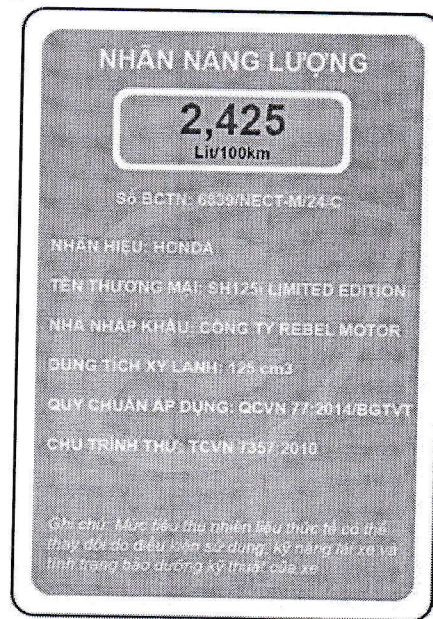
- 2.1. Khối lượng bản thân: 137 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 317 (kg)
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: JF40E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 125 cm<sup>3</sup>.
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 9,6/8250 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,68 ÷ 0,82
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 11,423.
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 100/80-16 áp suất lốp: 230 kPa
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 120/80-16 áp suất lốp: 230 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h

### 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ ~~TCVN 7358:2010/~~ TCVN 9726:2013/. <sup>(1)</sup>

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,425 l/100km

**4. Mẫu nhãn năng lượng công khai**



**5. Ghi chú (nếu có):**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

Công Ty TNHH Rebel Motor



Giám Đốc  
Võ Quốc Dương

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm